TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Lan**

2- Ông **Lâm Tấn Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thùy N**, sinh năm 1979.

HKTT: Ấp X A, xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện Ny: Ấp XK A, xã T, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1979.

HKTT: Ấp X A, xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thùy N trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Trương Văn N được người thân mai mối, qua thời gian tìm hiểu chị và anh N tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức L cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/5/2009. Quá trình chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không lo làm ăn để nuôi vợ, con mà thường xuyên đi ăn nhậu, vợ chồng cự cãi qua lại thì anh N bỏ nhà đi khoảng 03 năm Ny không về nhà, không quan tâm vợ, con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Chị và anh N có 02 người con chung tên Trương Hiếu L, sinh ngày 02/10/2007, giới tính Nam và Trương Đình H, sinh ngày 22/3/2010, giới tính Nam. Các con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn N vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, anh N vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị Lê Thùy N được ly hôn với anh Trương Văn N

Về con chung: Giao con tên Trương Hiếu L, sinh ngày 02/10/2007 và Trương Đình H, sinh ngày 22/3/2010, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét

Về tài sản và phần nợ chung: Chị N trình bày là không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức L cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/5/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh N là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị N quá trình chung sống được 10 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn để nuôi vợ, con mà thường xuyên đi ăn nhậu. Vợ chồng cự cãi qua lại thì anh N bỏ nhà đi khoảng 03 năm nay không về nhà, không quan tâm vợ, con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh N biết về việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh và nhiều lần thông báo cho anh N đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh N, Trưởng ấp XK A, xã T cung cấp thông tin như sau: Vợ chồng chị N và anh N có tạm trú tại ấp XK A, xã T khoảng 02 năm do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh N về nhà cha, mẹ ruột tại ấp X A, xã T A sinh sống, không rõ nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn.

Mẹ anh N cho biết thêm thông tin trong thời gian anh N sống bên vợ thì nghe nói anh N có uống rượu, vợ chồng cãi nhau nên anh N về nhà cha, mẹ ruột sống. Anh N thường xuyên đi làm ăn xa, khoảng vài tháng về nhà cha, mẹ một lần, bà có đưa Thông báo thụ lý vụ án cho anh N xem, anh N đọc xong cũng im lặng không nói gì.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N. Riêng đối với anh N mặc dù biết được việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với mình nhưng anh N vẫn im lặng không thể hiện ý kiến hay muốn hàn gắn tình cảm với chị N để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Từ những nguyên nhân trên cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị N và anh N có 02 người con chung tên Trương Hiếu L, sinh ngày 02/10/2007, giới tính Nam và Trương Đình H, sinh ngày 22/3/2010, giới tính

Nam. Các con đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu L và cháu H đang sống với chị N được chăm sóc và cho đi học như những bạn bè cùng trang lứa. Đồng thời, tại bản tự khai hai cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ.

Vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất giao hai người con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai ó quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N cho rằng vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004432 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thùy N được ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Trương Hiếu L, sinh ngày 02/10/2007, giới tính Nam và Trương Đình H, sinh ngày 22/3/2010, giới tính Nam cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh N quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N cho rằng vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004432 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2020). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *THADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã T A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh